

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8- 2018

*“V/v tranh chấp ly hôn
giữa bà H và ông Đ”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hoàng Hải

2/ Ông Lương Hùng Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thành Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phụng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: “xin ly hôn và nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 159/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Lệ H (Thái Thị Lệ H), sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thái Lệ H trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1995 bà và ông Lê Văn Đ quen nhau, sau thời gian tìm hiểu được sự đồng ý của gia đình nên bà H và ông Đ tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thạnh vào năm 2014. Thời gian đầu chung sống hôn nhân hạnh phúc nhưng sau đó ông Đ có quen người phụ nữ khác sống như vợ chồng và có con riêng, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau nhiều lần ông Đ đe dọa sẽ giết chết bà H. Do không thể an tâm chung sống với ông Đ

nên bà H đưa các con về nhà chị ruột sống khoảng 02 – 03 tháng nay. Nhận thấy không còn tình cảm với nhau nay bà Thái Lê H được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung Lê Thái Thị Lê Trinh, sinh năm 2005; Lê Thái Thị Lê Quyên, sinh năm 2009. Hiện các con đang sinh sống bên bà H nên bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi các con đến trưởng thành, không yêu cầu ông Lê Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án xem xét chia tài sản chung vợ chồng.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn Đ tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải và tại toà trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà H là tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1995 có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thạnh vào năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, việc ông có quen người phụ nữ khác sự việc xảy ra đã lâu hiện ông không còn liên lạc gì với người đó nữa, sự việc chị H yêu cầu ly hôn thì ông không được biết vì khi ông đi làm thì ở nhà bà H tự ý đem con về nhà của em vợ sống khoảng 3 tháng nay, ông có đến nhà để rước vợ về nhưng các em vợ không cho ông vào nhà và không cho gặp bà H để nói chuyện. Hiện tại ông vẫn còn thương vợ không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà xem xét cho vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung Lê Thái Thị Lê Tr, sinh năm 2005; Lê Thái Thị Lê Q, sinh năm 2009. Nếu vợ kiên quyết xin ly hôn được toà án chấp nhận thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng các con đến trưởng thành không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án xem xét chia tài sản chung vợ chồng.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về Tổ tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thái Lê H được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thái Thị Lê Tr, sinh năm 2005; Lê Thái Thị Lê Q, sinh năm 2009 cho bà Thái Lê H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Lê Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung đương sự khai không có và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng: Bà Thái Lệ H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Đ, yêu cầu được nuôi con chung, xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Thái Lệ H và ông Lê Văn Đ có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H nguyên nhân từ việc ông Đ không chung thủy, có lời lẽ đe dọa đến tính mạng của bà H, bản thân ông Đ không sửa đổi bản thân tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác. Bản thân ông cho rằng còn thương yêu vợ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà H không muốn tiếp tục chung sống với ông Đ kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chấp nhận cho ly hôn giữa bà H và ông Đ.

[4] Về nuôi con chung: Ông Đ, bà H đều có nguyện vọng được nuôi các con chung đến trưởng thành. Tuy nhiên, xét về điều kiện thì bà H phù hợp chăm sóc các con tốt hơn ông Đ, theo nguyện vọng các con yêu cầu được sống chung với bà H nên Hội đồng xét xử giao con chung Lê Thái Thị Lệ Tr, sinh năm 2005; Lê Thái Thị Lệ Q, sinh năm 2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: do Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ông Lê Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Toà án không xem xét về tài sản chung.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên Toà án không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thái Lệ H phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Lệ H về việc xin ly hôn và nuôi con chung với ông Lê Văn Đ.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Thái Lệ H (Thái Thị Lệ H) với ông Lê Văn Đ.

1.2 Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thái Thị Lệ Tr, sinh năm 2005; Lê Thái Thị Lệ Q, sinh năm 2009 cho bà Thái Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

1.3 Ông Lê Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.4 Về chia tài sản chung: Tòa án không xem xét.

1.5 Về nợ chung: Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thái Lệ H phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000969 ngày 2/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

3. Tuyên án công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay được thông đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Thạnh;
- Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS, VT, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đăng Khoa